

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index đóng cửa trong sắc xanh với một nhịp bật tăng cuối phiên do nhóm cổ phiếu “trụ” bứt tốc trong phiên chiều. Kết phiên chỉ số đóng cửa tại mốc 1,274.44 điểm, tăng 5.78 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực 15/18 ngành tăng điểm. Truyền thông và Dầu khí là hai ngành dẫn đầu đà tăng. Ở chiều ngược lại, CNTT và Y tế là hai ngành có hiệu suất thấp nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên HSX và đảo chiều bán ròng trên HNX. Trạng thái giằng co của thị trường có thể đến từ tâm lý chờ đợi phiên đáo hạn phái sinh. Hiện tại, thị trường đang cho thấy lực cản ở ngưỡng 1,280, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2407 và VN30F202412.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 18/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+5.78** điểm, đóng cửa tại **1274.44** điểm. HNX-Index **+1.59** điểm, đóng cửa tại **242.49** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **PLX (+0.81)**, **BID (+0.70)**, **CTG (+0.59)**, **MWG (+0.54)**, **MBB (+0.52)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-1.37)**, **HVN (-0.52)**, **MSN (-0.21)**, **CTR (-0.11)**, **DHG (-0.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,467** tỷ đồng, giảm **-41.30%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,075 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.46 điểm. Thị trường có **285** mã tăng, **62** mã tham chiếu, **158** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **967.26** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HDB (492.56 tỷ)**, **STB (344.06 tỷ)**, **SAB (161.61 tỷ)**, **MWG (130.63 tỷ)**, **SCS (111.97 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-57.23** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.59%**. Các mã diễn biến tích cực: **DCM (+2.97%)**, **HSG (+2.95%)**, **IDC (+2.39%)**.
- BSC50 **+1.43%**. Các mã diễn biến tích cực: **CSV (+6.32%)**, **PLX (+5.56%)**, **HDG (+4.97%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.59%	1.43%	0.46%	0.08%
1 tuần	-1.68%	-4.02%	-1.18%	-0.07%
1 tháng	0.60%	2.22%	0.31%	-0.34%
3 tháng	8.91%	9.40%	6.22%	6.23%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,274.44	242.49	97.61
% 1D	0.46%	0.66%	0.35%
GTGD (tỷ VND)	16,467	960	1,072
%1D	-41.30%	-49.67%	-44.03%
GDNN (tỷ VND)	967.26	-57.23	196.89

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	492.56	FPT	-352.10
STB	344.06	MSN	-122.53
SAB	161.61	DGC	-34.82
MWG	130.63	VPB	-34.28
SCS	111.97	VHM	-32.87

Thị trường thế giới

	%D	%W	
SPX	5,588	-1.39%	-0.81%
FTSE100	8,250	0.76%	0.32%
Eurostoxx	4,906	0.13%	-1.52%
Shanghai	2,977	0.48%	0.23%
Nikkei	40,122	-2.51%	-4.15%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	85.64	0.66%
Giá vàng	2,474	0.79%
Tỷ giá		
USD/VND	25,440	-0.11%
EUR/VND	28,390	-0.11%
JPY/VND	161	2.13%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	0.00%
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1307.4	0.25%	131	-24.28%	9/19/2024	63
VN30F2412	1309	0.67%	101	-41.3%	12/19/2024	154
VN30F2407	1297.5	-0.44%	208453	-23.25%	7/18/2024	0
VN30F2408	1307.7	0.32%	44823	51.75%	8/15/2024	28

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +1.01 điểm, đóng cửa tại 1306.38 điểm. Biên độ dao động 18.62 điểm. Các cổ phiếu như MWG, MBB, ACB, HPG, STB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Sau phần lớn thời gian chìm trong sắc đỏ, VN30 bật lên trên tham chiếu trong những phút giao dịch cuối cùng. NĐT nên thận trọng quan sát diễn biến của thị trường trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2407, Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2408, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2407.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CPOW2314	10/7/2024	81	575,200	-71.75%	1.31	1,350	20.5%	6.45	4.01	14.20	14.20
CMWG2313	8/9/2024	22	55,500	-68.03%	5.00	2,630	12.9%	10.00	20.78	65.00	65.00
CMBB2317	8/21/2024	34	1,229,000	-70.53%	1.96	1,100	10.0%	4.69	7.34	24.90	24.90
CMBB2318	9/23/2024	67	413,900	-63.22%	1.76	1,890	9.9%	5.92	9.16	24.90	24.90
CMWG2314	1/9/2025	175	1,084,400	-64.46%	5.20	1,790	9.1%	5.99	23.10	65.00	65.00
CMBB2312	8/5/2024	18	49,900	-69.23%	1.91	2,940	8.9%	11.75	7.66	24.90	24.90
CMBB2314	8/9/2024	22	174,400	-70.45%	1.96	1,380	8.7%	5.86	7.36	24.90	24.90
CMWG2316	8/23/2024	36	59,800	-65.38%	4.80	2,950	7.3%	10.04	22.50	65.00	65.00
CACB2305	10/9/2024	83	230,200	-70.93%	2.02	1,030	5.1%	4.52	7.21	24.80	24.80
CMBB2315	1/9/2025	175	338,100	-65.42%	1.96	1,700	4.9%	5.87	8.61	24.90	24.90
CTCB2309	9/25/2024	69	54,800	-28.59%	3.39	4,650	2.9%	6.99	16.92	23.70	23.70
CTCB2310	10/9/2024	83	700,800	-26.10%	3.39	1,820	2.8%	2.62	17.52	23.70	23.70
CHPG2342	11/21/2024	126	124,500	-63.19%	2.18	910	2.2%	2.89	10.45	28.40	28.40
CFPT2313	8/9/2024	22	55,000	-52.70%	10.00	5,050	-1.9%	11.79	60.50	127.90	127.90
CFPT2314	1/9/2025	175	436,100	-48.94%	10.00	5,530	-2.6%	11.81	65.30	127.90	127.90
CTCB2307	8/5/2024	18	200	-25.03%	3.30	3,730	-4.4%	5.26	17.77	23.70	23.70
CACB2304	9/25/2024	69	145,000	-69.24%	1.93	2,260	-5.0%	9.08	7.63	24.80	24.80
CFPT2317	11/21/2024	126	303,800	-52.93%	10.10	3,340	-5.1%	7.86	60.20	127.90	127.90
CVIB2306	8/23/2024	36	13,000	-66.18%	1.61	3,010	-5.6%	10.57	7.29	21.55	21.55
CFPT2310	8/5/2024	18	2,300	-42.70%	8.45	8,200	-7.3%	15.11	73.29	127.90	127.90

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 18/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CMSN2311 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 50.00%. CFPT2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.25%.
- CTCB2307, CTCB2310, CTCB2309, CFPT2310, và CFPT2314 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2310, CMWG2401, CVNM2404, CMWG2404, và CVNM2403 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MWG	65.00	2.36%	1.88
MBB	24.90	1.63%	1.22
ACB	24.80	1.22%	1.11
HPG	28.40	0.71%	0.67
STB	30.60	0.66%	0.40

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	127.90	-3.03%	-4.37
MSN	71.20	-0.84%	-0.45
HDB	25.10	-0.40%	-0.23
VIB	21.55	-0.23%	-0.06
VIC	40.55	-0.12%	-0.06

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PLX	47.50	5.56%	0.81	1.27
BID	48.50	1.04%	0.70	5.70
CTG	33.45	1.36%	0.59	5.37
MWG	65.00	2.36%	0.54	1.46
MBB	24.90	1.63%	0.52	5.31

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	127.90	-3.03%	-1.37	1.46
HVN	28.10	-3.44%	-0.52	2.21
MSN	71.20	-0.84%	-0.21	1.44
CTR	134.40	-2.89%	-0.11	0.11
DHG	115.00	-2.38%	-0.09	0.13

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	60.00	2.56%	0.36	0.33
PVS	42.40	2.17%	0.32	0.48
MBS	35.00	2.04%	0.22	0.44
LAS	26.60	9.02%	0.19	0.11
NTP	56.50	3.29%	0.17	0.13

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIF	18.20	-2.15%	-0.10	0.35
DHT	72.40	-2.16%	-0.09	0.08
PTI	30.10	-3.83%	-0.07	0.08
CDN	31.80	-2.75%	-0.06	0.10
CLM	85.00	-6.59%	-0.04	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CNG	35.35	6.96%	0.02	0.61
YEG	10.90	6.86%	0.02	4.26
HBC	8.10	6.58%	0.04	2.35
DXS	5.80	6.42%	0.05	5.92
CSV	38.70	6.32%	0.07	2.41

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VSI	14.05	-6.95%	-0.01	0.01
PDN	114.30	-6.69%	-0.07	0.00
TMP	67.10	-6.68%	-0.08	0.00
SFG	12.65	-6.64%	-0.01	0.03
NVT	9.36	-6.40%	-0.01	0.01

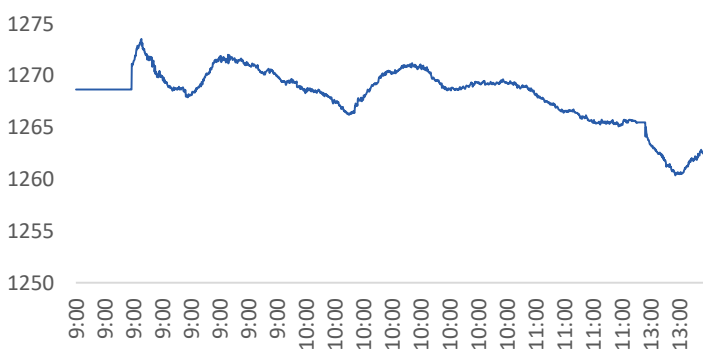
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
APS	26.60	9.02%	1.02	4.31
DC2	7.70	8.45%	0.20	1.16
VE8	8.10	8.00%	0.02	0.00
VE3	5.50	7.84%	0.00	0.00
VTC	8.50	7.59%	0.00	0.00

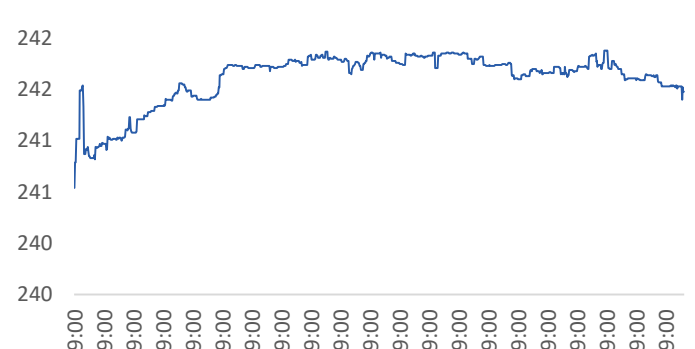
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NAP	10.20	-9.73%	-0.08	0.00
TXM	13.00	-9.72%	-0.03	0.18
CAN	36.60	-9.63%	-0.07	0.00
SDU	17.10	-9.52%	-0.12	0.00
KKC	5.80	-9.38%	-0.01	0.00

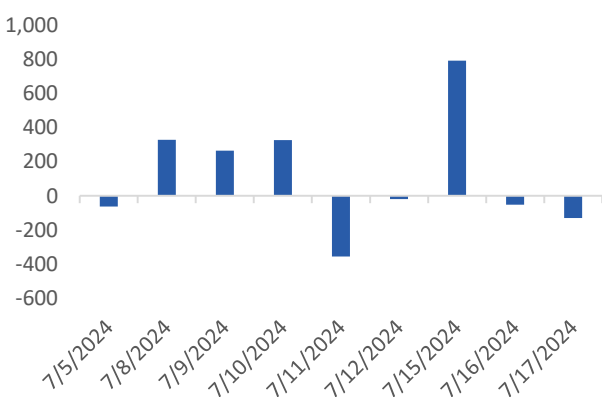
Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 2
HNX-Index Intraday

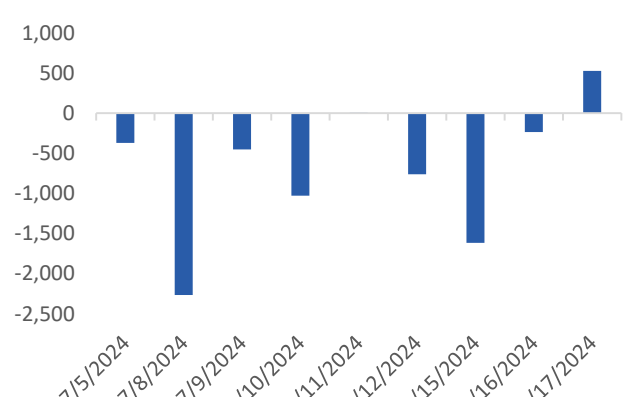


Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	88.0	0.00%	0.6	19,383	5.7	5,838	15.1	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	48.5	1.00%	1.1	10,895	6.4	3,841	12.6	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	19.0	0.30%	1.0	5,956	11.9	1,397	13.6	-	26.7%	Link
TCB	Ngân hàng	23.7	0.00%	1.1	6,580	10.5	5,600	4.2	-	21.8%	Link
MBB	Ngân hàng	24.9	1.60%	1.0	5,207	29.5	3,818	6.5	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.6	0.70%	1.1	2,273	12.9	4,206	7.3	-	23.2%	Link
CTG	Ngân hàng	33.4	1.40%	1.3	7,079	10.7	3,751	8.9	-	26.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.8	1.20%	0.8	4,365	10.4	4,072	6.1	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	34.4	0.60%	1.2	2,043	12.8	1,704	20.2	-	42.6%	Link
IDC	Xây dựng	60.0	2.60%	1.2	780	2.9	5,880	10.2	65,700	24.1%	Link
HPG	VLXD	28.4	0.70%	1.2	7,159	22.9	1,601	17.7	41,500	24.4%	Link
HSG	VLXD	24.4	3.00%	1.7	592	14.9	1,423	17.1	25,300	20.4%	Link
VHM	BDS	37.4	0.40%	1.0	6,426	9.3	5,074	7.4	108,300	15.7%	Link
KDH	BDS	36.8	-0.30%	1.4	1,159	4.6	726	50.7	44,500	39.6%	Link
NLG	BDS	42.3	0.70%	1.3	641	2.6	1,040	40.7	-	49.4%	Link
DGC	Hóa chất	123.0	-0.60%	1.4	1,841	12.2	7,845	15.7	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	38.1	3.00%	1.3	795	7.8	2,313	16.5	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	78.1	0.10%	0.6	7,069	3.5	4,688	16.7	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	42.4	2.20%	1.1	799	3.7	1,992	21.3	57,000	21.6%	Link
PVD	Dầu khí	28.8	0.90%	1.3	630	4.0	1,200	24.0	38,400	16.2%	Link
POW	Dầu khí	14.2	2.20%	0.7	1,310	9.4	350	40.6	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	72.9	0.80%	1.1	645	1.5	3,774	19.3	108,500	29.6%	Link
GMD	Logistics	79.9	-1.40%	0.8	978	4.3	8,430	9.5	90,400	48.1%	Link
VNM	Bán lẻ	65.9	0.30%	0.6	5,428	5.9	4,408	15.0	93,100	50.1%	Link
MSN	Bán lẻ	71.2	-0.80%	1.3	4,245	21.1	215	330.6	110,000	28.5%	Link
MWG	Bán lẻ	65.0	2.40%	1.3	3,745	20.3	717	90.6	-	46.8%	Link
PNJ	Bán lẻ	96.0	0.10%	0.9	1,266	4.3	5,860	16.4	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	65.5	2.30%	1.7	431	4.1	2,200	29.8	66,600	24.4%	Link
FPT	Bán lẻ	127.9	-3.00%	1.0	7,361	54.4	5,335	24.0	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	134.4	-2.90%	1.3	606	2.5	4,582	29.3	-	10.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	25.1	-0.40%	0.9	2,881	8.4	3,809	6.6	1.6	18.2%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.6	-0.20%	1.1	2,154	3.0	3,315	6.5	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.0	0.80%	1.2	1,562	2.6	2,050	8.8	1.2	28.4%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.8	-0.30%	1.2	1,163	2.4	2,310	6.4	0.9	29.4%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.8	1.10%	1.0	1,286	7.6	1,147	16.4	1.4	2.9%	10.1%
HCM	Chứng khoán	26.1	0.80%	1.6	724	5.3	1,175	22.2	2.1	45.1%	8.3%
VCI	Chứng khoán	47.6	1.60%	1.7	830	4.2	1,409	33.8	2.5	19.2%	7.1%
VND	Chứng khoán	15.5	0.60%	1.5	930	8.0	2,057	7.5	1.1	12.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	47.5	2.60%	1.7	418	0.6	2,208	21.5	2.0	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	17.2	0.60%	1.7	551	4.1	1,076	16.0	1.3	9.0%	5.7%
CTD	Xây dựng	71.6	0.00%	1.1	282	2.7	2,709	26.4	0.8	47.1%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.3	0.00%	1.5	200	1.2	833	14.8	0.6	8.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.3	0.90%	1.6	86	0.5	655	17.3	0.9	2.3%	4.6%
SZC	Xây dựng	39.2	1.40%	1.2	278	1.4	1,515	25.9	2.4	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	83.2	0.40%	1.4	686	1.3	5,701	14.6	3.9	1.6%	26.9%
PHR	BĐS KCN	59.5	1.90%	1.0	318	0.7	3,448	17.3	2.2	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	24.7	0.80%	1.7	594	12.3	(38)	-643.4	2.0	4.2%	2.1%
CEO	BĐS	17.1	1.20%	1.3	347	2.0	312	54.9	1.5	4.8%	2.4%
KBC	BĐS KCN	27.4	1.70%	1.5	830	3.5	1,262	21.7	1.2	20.4%	11.7%
VGC	BĐS KCN	51.4	0.60%	1.2	908	0.5	2,746	18.7	2.8	5.1%	12.5%
GVR	BĐS KCN	36.0	1.40%	1.5	5,683	5.5	628	57.4	2.8	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	25.2	1.60%	1.6	262	4.7	1,222	20.6	1.2	15.4%	2.3%
BMP	Vật liệu	99.0	0.40%	1.0	319	0.6	11,420	8.7	3.1	83.3%	39.1%
IJC	Hạ tầng	15.0	2.00%	1.5	223	2.1	865	17.3	1.3	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	14.1	4.40%	1.6	400	3.0	420	33.6	1.0	17.8%	1.1%
VRE	Bất động sản	20.2	2.00%	1.2	1,804	7.7	1,966	10.2	1.2	22.9%	12.4%
PDR	Bất động sản	21.1	0.70%	1.6	726	4.7	964	21.9	1.6	8.0%	7.2%
DIG	Bất động sản	24.7	0.80%	1.7	594	12.3	(38)	-643.4	2.0	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.0	0.00%	1.3	598	1.3	73	232.7	1.5	1.5%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.7	0.00%	1.3	-	0.2	433	22.4	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	38.7	6.30%	1.7	168	2.3	4,370	8.9	1.2	5.3%	16.1%
DHC	Hóa chất	39.7	0.00%	1.1	126	0.3	3,461	11.5	1.7	39.8%	17.2%
DRC	Cao su	35.5	4.90%	0.8	166	1.8	2,510	14.1	2.3	11.9%	13.2%
PC1	Điện	30.9	2.30%	1.3	379	5.7	651	47.5	1.8	12.1%	4.1%
HDG	BĐS	31.7	5.00%	1.3	420	7.6	2,061	15.4	1.6	15.6%	12.9%
GEX	Điện	22.7	2.70%	1.7	762	9.5	625	36.3	1.6	8.8%	4.1%
QTP	Điện	15.5	-0.60%	0.5	-	0.4	1,354	11.5	1.3	1.3%	10.8%
PLX	O&G	47.5	5.60%	1.0	2,378	5.1	2,570	18.5	2.2	17.8%	10.7%
BSR	O&G	23.0	1.80%	1.2	-	7.5	2,588	8.9	1.2	0.7%	15.6%
PLC	O&G	25.8	-0.40%	1.5	82	0.2	1,112	23.2	1.6	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	35.5	2.70%	1.4	186	3.6	(252)	-140.6	1.6	1.1%	1.5%
PTB	Gỗ	72.3	0.10%	0.7	191	0.5	4,765	15.2	1.8	25.0%	10.6%
VSC	Logistics	20.8	2.20%	1.4	218	2.9	532	39.0	1.9	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	44.0	3.40%	1.2	210	4.2	3,081	14.3	1.7	9.0%	12.1%
VTP	Logistics	81.0	1.20%	1.5	389	4.2	2,980	27.2	6.0	6.9%	25.6%
DBC	Logistics	28.9	1.00%	1.7	368	6.0	1,729	16.7	1.5	11.9%	0.5%
FRT	Bán lẻ	174.0	0.10%	0.7	934	3.2	(2,215)	-78.5	14.1	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.2	0.20%	0.6	-	0.9	6,737	7.3	2.0	15.0%	27.3%
TNG	Dệt may	25.2	2.40%	1.2	122	1.7	1,981	12.7	1.6	19.1%	12.5%
PVT	O&G	29.4	1.60%	1.0	412	3.2	3,150	9.3	1.3	14.0%	14.3%
DPM	Phân bón	35.9	2.00%	1.3	554	3.5	1,372	26.2	1.2	8.1%	4.2%
REE	Tiện ích	72.0	-0.30%	1.0	1,334	4.6	4,706	15.3	1.7	49.0%	13.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
11	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
12	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
14	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639